TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN S – TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **245** /2019/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 07 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườn vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 206/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:*

+ Bà **Huỳnh Thị M** - Sinh năm: 1970; Nơi cư trú: K18/21 Nguyễn Duy H, tổ 52 phường A, quận S, TP Đà Nẵng.

+ Ông **Hồ Minh S** - Sinh năm: 1963; HKTT: Tổ 30 Đông T, phường H, quận N, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Hồ Minh S và bà Huỳnh Thị M kết hôn vào năm 1991, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận N, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09 cấp ngày 18/04/1991. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Tại phiên hòa giải, ông Hồ Minh S và bà Huỳnh Thị M xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại tổ 52 phường A, quận S, TP. Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Hiện tại ông bà sống ly thân từ 2008 đến nay. Nay ông S, bà M xác định không còn yêu thương nhau nữa nên đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Hồ Minh S và bà Huỳnh Thị M thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng ông S, bà M lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông bà đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông S, bà M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông S, bà M là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: ông Hồ Minh S và bà Huỳnh Thị M xác định có 02 con chung: Hồ Như T- sinh ngày 24/6/1992, Hồ Như A– sinh ngày 01/12/2006. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận giao con Hồ Như A cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi và ông S không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Hồ Như T đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên ông bà không yêu cầu gì. Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của ông bà là thỏa thuận tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: ông S, bà M xác định không có.

[6] Các vấn đề khác: ông S, bà M xác định không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Hồ Minh S và bà Huỳnh Thị M mỗi người phải chịu 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0008062 ngày 28/8/2019.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hồ Minh S và bà Huỳnh Thị M *(Giấy chứng nhận kết hôn số 09 do Ủy ban nhân dân phường B, quận N, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/4/1991 không còn giá trị pháp lý)*.

- Về quan hệ con chung: ông Hồ Minh S và bà Huỳnh Thị M xác định có 02 con chung: Hồ Như T- sinh ngày 24/6/1992, Hồ Như A – sinh ngày 01/12/2006. Khi ly hôn hai bên thỏa thuận giao con Hồ Như A cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi và ông S không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Hồ Như T đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên ông bà không yêu cầu gì.

Các đương sự được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: ông S, bà M xác định không có.

- Về các vấn đề khác: ông S, bà M xác định không có nợ chung.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Hồ Minh S và bà Huỳnh Thị M mỗi người phải chịu 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0008062 ngày 28/8/2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S, ĐN;
- Chi cục THADS quận S, ĐN;
- UBND phường M, quận N, ĐN;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hạnh